

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2020/DS-ST
Ngày: 15/10/2020
*“V/v Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Pho.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị T2 Hồng.

2. Ông Trương T2 Giảng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị T là Thư ký Tòa án nhân dân huyện K - tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Linh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 9 và ngày 15 tháng 10 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 142/2020/TLST-DS, ngày 08/5/2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2020/QĐXXST-DS, ngày 26/8/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2020/QĐ-TA, ngày 24/9/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Đỗ Minh T – sinh năm 1981. Địa chỉ: Khóm Tân Qui, phường V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

2. *Bị đơn:*

- Ông Châu Văn T1 – sinh năm 1991 (có đơn xin vắng mặt)

- Bà Trương Thị T2 – sinh năm 1990 (vắng mặt)

Nơi ĐKKHKT: Ấp Cờ Trắng, xã Đ, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở hiện nay: Số 415D/12, khu vực 07, phường An Bình, quận N, Tp. Cần Thơ.

3. Người làm chứng:

- Ông Quách Văn T – sinh năm 1985. (có mặt)

- Ông Ngô Văn C – sinh năm 1989. (có mặt)

Cùng địa chỉ: Khóm Tân Qui, phường V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

- Ông Trần Văn U – sinh năm: 1983. Địa chỉ: ấp Tân Hòa, xã Vĩnh Tân, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

- Ông Lý Hồng P – sinh năm: 1976. Địa chỉ: Khóm 5, phường 1, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

- Ông Nguyễn Hoàng V – sinh năm: 1981. Địa chỉ: Số 195 Lê Hồng Phong, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và biên bản hòa giải ngày 27/5/2020 ông Đỗ Minh T trình bày và yêu cầu như sau:

Ông T có bán tôm cho vợ chồng ông Châu Văn T1 và bà Trương Thị T2 từ ngày 13/8/2019 đến ngày 02/01/2020 với tổng số tiền bà T2, ông T1 còn nợ là 650.000.000 đồng. Do hiện tại thấy hoàn cảnh ông T1, bà T2 gặp nhiều khó khăn nên ông T đề xuất 02 cách trả nợ như sau:

Cách thứ nhất: Nếu ông T1, bà T2 trả một lần cho ông T số tiền 500.000.000 đồng thì ông T đồng ý cho luôn số tiền còn lại là 150.000.000 đồng.

Cách thứ hai: Hàng tháng trả 30.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ 650.000.000 đồng.

Nếu ông T1, bà T2 không thể T2 toán theo 02 cách như trên thì ông T yêu cầu Tòa án giải quyết theo đúng quy định của pháp luật. Ông T chỉ yêu cầu lấy số tiền gốc, không yêu cầu tính lãi.

Tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 27/5/2020 bà Trương Thị T2 trình bày:

Bà T2 thừa nhận còn nợ ông Đỗ Minh T số tiền mua tôm là 650.000.000 đồng. Việc ông T yêu cầu vợ chồng bà T2 trả nợ theo 02 cách nêu trên thì vợ chồng bà không có khả năng trả. Vì vợ chồng bà cũng làm ăn buôn bán bên Campuchia bị giật hết tiền nên phải đi làm mướn, hiện tại còn 02 con nhỏ nên hoàn cảnh gặp rất nhiều khó khăn. Nay bà T2 hứa sẽ trả cho ông T mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, khi nào bà T2 buôn bán lại được sẽ cố gắng làm ăn để trả được nhiều hơn. Thời điểm bắt đầu trả nợ là từ ngày 01/7/2020.

Tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 27/5/2020 ông Châu Văn T1 trình bày:

Ông T1 thông nhất còn nợ số tiền mua tôm của ông Đỗ Minh T là 650.000.000 đồng. Do hoàn cảnh khó khăn xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, bắt đầu trả nợ là từ ngày 01/7/2020.

Tại đơn yêu cầu về việc cung cấp tài liệu chứng cứ đồ vật dữ liệu điện tử ngày 01/6/2020 ông Châu Văn T1 trình bày:

Vào ngày 06/3/2020, trong lúc tôi đi ăn cùng tài xế xe tải tại thị xã V, tỉnh Sóc Trăng thì bị ông Đỗ Minh T gọi xã hội đen tụ tập tại quán ăn cùng với 10 người T2 niên xăm mình cùng với ông T. Ông T kêu những người này bắt buộc tôi phải ký giấy viết nợ vợ tôi mượn tiền ông T. Tôi không đồng ý ký tên vì không biết vợ tôi có mượn tiền ông T hay không. Sau đó ông T kêu 10 người T2 niên sai khiến để dùng biện pháp “Nếu mày không kêu vợ mày gọi điện thoại nói chuyện thì mày không có đường về”, đe dọa hãm giết chết tôi. Số người ông T kêu đến đây tôi chỉ biết tên là Lý Hồng P, Nguyễn Hồng Dũ, Quách Văn T cùng ông T tổng cộng 10 người tôi không nhớ hết tên.

Tôi đã sử dụng điện thoại của tôi ghi âm lại 02 đoạn trao đổi mà ông T cùng với 10 người xã hội đen có hành vi áp bức, không chế buộc tôi phải tự viết giấy, ký tên là người mượn nợ. Kèm theo đơn, tôi tự nguyện giao nộp dữ liệu điện tử liên quan (02 đoạn ghi âm) cho Tòa án để làm cơ sở xử lý đối ông T. Ông T1 cung cấp 02 đoạn ghi âm thời gian 01 đoạn dài 12 phút 49 giây, 01 đoạn dài 01 phút 02 giây cùng vào ngày 06/3/2020 với nội dung: Ông Đỗ Minh T cùng 10 người khác do ông T sai khiến đe dọa giết chết ông T1 nếu không chịu ký vào giấy thể hiện việc ông T1 và vợ là bà T2 mượn nợ ông T. Ông T1 cho rằng việc ông T khởi kiện vợ chồng ông nợ tiền ông T là không có căn cứ.

Tại tờ tường trình ngày 15/6/2020 ông Đỗ Minh T trình bày:

Vào lúc 04 giờ chiều ngày 12/01/2020, tôi có điện thoại cho ông T1 và có đề cập đến khoảng nợ mua tôm, ông T1 thừa nhận còn nợ tôi số tiền là 661.000.000 đồng. Ông T1 có trình bày nhiều lý do không thể trả nợ được và có đề cập đến 01 miếng đất của bà già vợ ông T1 trị giá khoảng 03 tỷ đồng, kêu tôi lấy trừ nợ và thối lại cho ông T1 02 tỷ đồng. Do chỗ làm ăn, tôi muốn chuyện nào ra chuyện ấy, không muốn dính dáng đến chuyện đất đai mịch lòng. Giã lại phương án trả nợ của ông T1 tôi thấy không hợp lý nên tôi không đồng ý. Tôi nói nếu ông T1 thiếu nợ thì trả cho tôi vì tôi cũng khổ nên không có tiền để lấy đất. Như vậy nếu hết sức cố gắng thì ông T1 cũng phải trả cho tôi trước từ 300 đến 400 triệu đồng, còn lại qua tết tôi cho trả từ từ cũng được, khi nào có thì trả.

Cũng vào ngày 12/01/2020, sau khi kết thúc cuộc gọi với ông T1, tôi có gọi bà T2 vợ ông T1. Tôi nói với bà T2 tôi không thống nhất với cách trả nợ như trên của ông T1. Bà T2 có lấy nhiều lý do, khó khăn nhiều thứ nên không trả cho tôi được. Bà T2 thừa nhận còn nợ tôi số tiền 661.000.000 đồng, tôi không đồng ý với những lý do bà T2 đưa ra, mặc dầu bà T2 có hứa hẹn trả.

Vào lúc 09 giờ sáng ngày 15/01/2020, tôi có qua nhà ông T1 nhưng không thấy ông T1 nên tôi có điện thoại để thương T cách thức, thời gian về việc ký kết giấy nợ cho tôi để làm lòng tin. Ông T1 thừa nhận số nợ, kêu tôi lấy đất để cầm trả nợ, tôi không đồng ý. Ông T1 có hứa đến ngày 01 tây hàng tháng sẽ trả mỗi tháng là 5.000.000 đồng. Tôi nói muốn gặp ông T1 để nói chuyện và ký giấy nợ, nhưng ông T1 điện nhiều lý do không muốn gặp tôi.

Đến ngày 06/3/2020 khoảng 04 giờ chiều, tôi có gặp ông T1 tại quán nhậu ở thị xã V, tôi có mời ông T1 ra quán cà phê để nói chuyện, tôi có nhờ những người cùng cân tôm vận động ông T1 ký giấy nhận nợ cho tôi. Sau thời gian trao đổi tôi và ông T1 có lời qua tiếng lại và ông T1 cũng đồng ý ký nhận nợ với số tiền 650.000.000 đồng. Sau đó thì các bên vui vẻ tôi có mời ông T1 uống vài cốc bia và 02 bên chia tay, sự việc này có nhiều người chứng kiến.

Tại biên bản lấy lời khai người làm chứng ông Lý Hồng P trình bày:

Tôi cùng là người mua bán tôm nên quen biết ông Đỗ Minh T. Vào khoảng tháng 3/2020, trên đường đi dự đám cưới ở thị xã V, khi thấy tôi chạy xe ngang qua thì ông T kêu tôi vô uống cà phê, khi đó thì ông Châu Văn T1 vô sau tôi. Ông T có nói ông T1 nợ tiền mua tôm, thì ông T1 nói xin trả mỗi tháng 5.000.000 đồng, nhưng kêu ký giấy nợ thì ông T1 không ký, 02 bên mới nói chuyện qua lại với nhau, ông T1 có nói rồi bây giờ tao không trả luôn. Thấy vậy người em làm cho ông T mới nóng lên và nói lớn tiếng “Mày mua tôm người ta mà không trả tiền, vậy muốn ăn cướp hả gì”, thì ông T mới la và kêu người em ra về. Sau đó tôi có nói với ông T1 “Thiếu tiền người ta anh đồng ý trả mỗi tháng 5.000.000 đồng nhưng anh không đồng ý ký vào giấy nợ cho người ta làm tin” và một số người ngồi gần đó cũng nói như vậy. Thấy vậy ông T1 mới nói ai viết đi rồi ông T1 ký thì ông U ngồi giữa ông T và ông T1 ghi giấy nợ. Ông T1 tự đọc lại và tự tay ký tên vào giấy nợ, không ai hăm dọa, ép buộc hay cưỡng chế ông T1 gì cả. Sau khi ký xong anh em còn rất vui vẻ, ông T còn rủ đi nhậu, tôi và ông V đi đám cưới nên không đi.

Tại biên bản lấy lời khai người làm chứng ông Nguyễn Hoàng V trình bày:

Tôi với ông Đỗ Minh T không có mối quan hệ cũng không có quen biết gì hết, tôi chỉ biết ông Lý Hồng P và cùng với ông P đi đám cưới tại thị xã V. Khi đi ngang qua thì thấy 02 bên đang cự cãi qua lại (Sau này ông V mới biết ông T và ông T1), có 01 người xong vô nói “Mày muốn ăn dẹt hay gì” rồi tôi mới can ngăn, sau đó thấy 02

bên đang xếp được với nhau. Giấy xác nhận nợ là anh kia ghi giùm rồi ông T1 mới ký vào giấy nợ, khi đó tôi đang ở đó thấy ông T1 tự tay ký vào giấy nợ không có ai ép buộc. Rồi 02 bên rủ nhau đi nhậu còn tôi và ông P vào nhà hàng ăn đám cưới.

Tại biên bản đối chất người làm chứng ông Quách Văn T trình bày:

Vào buổi chiều không nhớ rõ ngày tháng cụ thể, ông Đỗ Minh T có nói chuyện với ông T1 về việc yêu cầu ông T1 làm giấy xác nhận nợ tiền mua tôm còn thiếu, ông T1 không đồng ý viết và ông T có mời ông T1 vào quán làm giấy xác nhận nợ và ông T nhờ một người tên Trần Văn U viết giấy xác nhận nợ và tôi có chứng kiến ông T1 có ký vào giấy xác nhận nợ, tôi không thấy ông T có thuê xã hội đen hay ép buộc gì ông T1 ký xác nhận nợ, khi đó giữa ông T với ông T1 có cự cãi lớn tiếng với nhau nhưng ông T không có hăm dọa hay đe dọa giết ông T1 gì cả. Ông T1 nói việc nợ tiền mua tôm của ông T không có liên quan đến ông T1 mà số nợ này là của vợ ông bà T2 nợ ông T. Ngoài tôi ra thì còn nhiều người khác chứng kiến đều là thương lái mua tôm của ông T, ngồi chung bàn với ông T, ông T1 là các ông Công, P, Hiếu, Trung, V.

Tại biên bản lấy lời khai người làm chứng ông Trần Văn U trình bày:

Tôi là người chạy xe ôm quanh khu vực thị xã V, ông T thường hay đưa cho tôi đi giao các mẫu tôm cho các xí nghiệp mua bán. Vào khoảng tháng 3/2020 không nhớ rõ ngày, tôi chạy xe ôm ngang quán Làng Nướng thì ông T điện cho tôi kêu tôi gọi ông T1 đến để nói chuyện. 02 bên gặp nhau ngồi uống cà phê nói chuyện được một lúc thì có xảy ra cự cãi, tôi nghe ông T1 nói sẽ trả cho ông T mỗi tháng 5.000.000 đồng nhưng kêu ký giấy nợ thì ông T1 không ký, rồi có một anh nói chuyện hơi lớn tiếng “Anh làm ăn với người ta, anh xin trả mỗi tháng 5.000.000 đồng mà kêu anh ký giấy nợ anh không ký là anh muốn ăn dụt người ta” rồi mọi người can ngăn sau đó 02 bên trở lại bình thường.

Sau đó có anh nói với ông T1 “Muốn làm ăn thì phải ký giấy nợ để làm tin”, rồi ông T đọc nội dung giấy nợ cho tôi ghi, tôi ghi xong đọc lại cho ông T1 nghe và ông T1 có tự đọc lại, sau đó ông T1 mới ký vào giấy nợ, không có ai ép buộc, hăm dọa, cưỡng ép ông T1 ký giấy nợ. Sau đó thì 02 bên vui vẻ còn rủ nhau đi nhậu, khi đó cũng có tôi. Trong giấy nợ có dòng chữ ghi nhỏ “Ngày 13.8.2019 đến ngày 02.01.2020” là sau khi ghi xong do ông T thấy còn thiếu nên kêu tôi ghi thêm. Khi đó ông T1 chưa ký vào giấy nợ, sau khi tôi ghi xong thì ông T1 mới ký vào giấy nợ.

Tại biên bản lấy lời khai người làm chứng ông Ngô Văn C trình bày:

Tôi với ông T là người quen trong khi làm ăn với nhau, không có quan hệ thân thích gì, tôi hay giao tôm cho ông T. Đôi khi tôi giao tôm có gặp người bên ông T1 lấy tôm của ông T. Do mua bán với ông T thường xuyên nên tôi có biết việc vợ chồng ông T1, bà T2 còn nợ tiền mua Tôm của ông T. Việc ông T1 trình bày là ông T thuê

xã hội đen ép buộc ông T1 ký giấy nợ là không có. Hôm đó có 08 người do những người này là thương lái cùng mua tôm nên có mặt ngay lúc đó chứ không phải xã hội đen. 08 người gồm có: Lý Hồng P, Nguyễn Hồng V, Quách Văn T, Trần Văn U, Nguyễn Văn Phúc, Đỗ Minh T và tôi và bên ông T1 thì có ông T1 cùng 02 người nữa tôi không biết tên. Giấy xác nhận nợ là do anh xe ôm ghi giùm và sau đó ông T1 ký tên vào biên nhận, vì tôi có mặt ở đó nên tôi chứng kiến việc ông T1 tự tay ký vào giấy biên nhận chứ không có ai ép buộc ký.

Tại các đoạn ghi âm do ông Đỗ Minh T cung cấp thể hiện:

1/ Nội dung cuộc trao đổi giữa ông T với ông T1 tại đoạn ghi âm thứ nhất vào ngày 13/01/2020 lúc 16 giờ 02 phút, đoạn ghi âm dài 16 phút 35 giây: Ông T có điện thoại cho ông T1 nói về việc thiếu tiền mua tôm số tiền sáu trăm sáu mươi mấy triệu đồng, ông T1 thừa nhận có nợ số tiền này. Qua cuộc điện thoại ông T1 nói có miếng đất của bà già vợ trị giá khoảng 03 tỷ kêu ông T lấy miếng đất lên trừ số nợ trên và đưa lại cho ông T1 02 tỷ nhưng ông T không đồng ý P án của T1 đưa ra. Hai bên có nói đến việc gặp mặt bàn bạc về số tiền này để đưa ra hướng giải quyết, ông T1 đưa ra hướng giải quyết là ông T1 làm giấy uỷ quyền về việc sử dụng miếng đất cho ông T và ông T đưa ra P án đưa giấy đất cho ngân hàng vay tiền để đưa cho ông T1 hai tỷ sáu trăm mấy chục triệu.

2/ Nội dung cuộc trao đổi giữa ông T với ông T1 tại đoạn ghi âm thứ hai vào ngày 13/01/2020 lúc 16 giờ 20 phút, đoạn ghi âm dài 10 phút 03 giây: Ông T gọi điện thoại cho ông T1 nói về việc thiếu tiền mua tôm và hai bên có nói chuyện đến việc cản trừ nợ số tiền mua tôm liên quan đến giấy đất, ông T có hẹn gặp ông T1 và ông T1 nói đang đi trốn nợ. Ông T yêu cầu gặp mặt ông T1 để xác nhận số nợ bằng văn bản và hướng trả nợ. Ông T1 trả lời là hướng trả nợ là vào ngày 01 tây hàng tháng sẽ chuyển trả nợ cho ông T mỗi tháng 5.000.000 đồng.

3/ Nội dung cuộc trao đổi giữa ông T với bà T2 tại đoạn ghi âm thứ ba vào ngày 15/01/2020 lúc 12 giờ 31 phút, đoạn ghi âm dài 06 phút 31 giây: Ông T gọi điện thoại cho bà T2 có nói đến việc ông T đã gọi điện thoại cho ông T1 trước về việc ông T1 giao đất để cản trừ nợ số tiền sáu trăm sáu mươi mấy triệu. Bà T2 có nói đến khó khăn hiện nay là do có một người còn nợ vợ chồng bà nên mới thiếu ông T số tiền này và hứa sau khi gom được tiền, vợ chồng bà sẽ trả cho ông T. Ông T có đưa ra hướng trả trước số tiền 300 đến 400 triệu đồng, số nợ còn lại để qua tết. Bà T2 trả lời nếu trả hết số nợ cho ông T thì hết con đường làm ăn của vợ chồng bà. Còn giấy tờ đất nằm trong quy hoạch nên không thể thế chấp ngân hàng để vay tiền trả cho ông T. Ông T có yêu cầu bà T2 đưa ra hướng trả nợ và bà T2 nói do không gom được tiền của những người khác để trả nợ cho ông T.

Tại các đoạn ghi âm do ông Châu Văn T1 cung cấp thể hiện:

1/ Nội dung cuộc trao đổi giữa ông T1 với ông T tại đoạn ghi âm thứ nhất vào lúc khoảng 16 – 17 giờ ngày 06/3/2020, đoạn ghi âm dài 01 phút 02 giây: Cuộc nói chuyện giữa ông T1 và ông T về việc thiếu tiền mua tôm, ông T1 cho rằng việc thiếu nợ tiền mua tôm không liên quan đến ông mà cho rằng số nợ này liên quan đến bà T2 và yêu cầu ông T gọi điện thoại cho bà T2 để nói chuyện. Đồng thời ông T cũng nói ông T1 lấy điện ra gọi cho bà T2 vì T có gọi điện nhưng bà T2 không bắt máy.

2/ Nội dung cuộc trao đổi giữa ông T1 với ông T tại đoạn ghi âm thứ hai vào lúc khoảng 17 giờ ngày 06/3/2020, đoạn ghi âm dài 12 phút 49 giây: Ông T có yêu cầu ông T1 điện thoại cho bà T2, ông T nói liên quan đến tin nhắn giữa ông T1 và bà T2 qua tin nhắn Zalo, ông T có yêu cầu làm giấy xác nhận nợ giữa ông T với vợ chồng ông T1, bà T2 và hướng trả nợ từ từ. Sau đoạn thoại có một khoảng trống. Tiếp đoạn ghi âm ông T1 nói việc mua bán tôm này là giữa ông T với bà T2 không liên quan đến ông, ông không biết gì cả. Có một người hỏi địa chỉ, ông T1 nói địa chỉ ở ấp Cờ Trắng và có một giọng nói nhắc đến địa chỉ ở Cần Thơ trong bằng lái xe. Ông T1 nói không biết việc mua bán tôm với ông T, ông T mua bán tôm liên quan đến vợ ông vì khi đó ông đang ở trên đó (ở thị xã V) nên không biết việc nợ số tiền này.

Ông Đỗ Minh T, ông Châu Văn T1, bà Trương Thị T2 đều thống nhất nội dung các cuộc ghi âm do ông T, ông T1 cung cấp. Tại phiên tòa, ông T yêu cầu vợ chồng bà T2, ông T1 phải trả số tiền còn nợ là 650.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng quy định tại khoản 2 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc thu thập tài liệu, chứng cứ, do đương sự giao nộp các USB nhưng Thẩm phán không lập biên bản đưa vào hồ sơ vụ án. Đại diện Viện kiểm sát không phát biểu về nội dung vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bị đơn ông Châu Văn T1 và bà Trương Thị T2 có hộ khẩu thường trú tại ấp Cờ Trắng, xã Hoà Điền, huyện K, tỉnh Kiên Giang và tại văn bản thỏa thuận nguyên đơn và bị đơn đều yêu cầu Tòa án nhân dân huyện K giải quyết. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K. Đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Đối với bị đơn ông T1 có đơn xin vắng mặt, bà T2 vắng mặt lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa: Hội đồng xét xử nhận thấy giữa ông Đỗ Minh T với bà Trương Thị T2 và ông Châu Văn T1 có mua bán tôm với nhau nhiều lần từ ngày 13/8/2019 đến ngày 02/01/2020. Tại phiếu ghi nợ ngày 02/01/2020 thể hiện việc ông Châu Văn T1 có ký thừa nhận nợ vào ngày 06/3/2020 số tiền mua tôm của ông Đỗ Minh T là 650.000.000 đồng, có sự chứng kiến của các ông Trần Văn U, Lý Hồng P, Quách Văn T, Nguyễn Hoàng V. Trong quá trình mua bán thì các bên phát sinh tranh chấp, ông T khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà T2, ông T1 phải trả tổng số tiền mua bán tôm còn nợ là 650.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Trong các bản tự khai và biên bản hòa giải tại Tòa án thì bà T2, ông T1 đều thừa nhận có nợ ông T số tiền mua tôm là 650.000.000 đồng và hứa vào ngày 01 tây hàng tháng sẽ trả cho ông T mỗi tháng là 1.000.000 đồng, bắt đầu trả là vào ngày 01/7/2020. Nhưng sau đó ông T1 thay đổi lời khai cho rằng bản thân bị ông T dùng xã hội đen ép buộc ông phải ký giấy nhận nợ số tiền mua tôm là 650.000.000 đồng, sự thật là ông T1 không biết việc mua bán tôm giữa ông T với vợ ông là bà T2, nên ông không đồng ý trả nợ cho ông T. Qua các biên bản đối chất và lấy lời khai người làm chứng có mặt tại thời điểm ông T1 ký xác nhận nợ, thể hiện việc ông T1 cho rằng ông T dùng xã hội đen đe dọa tính mạng ông, buộc ông phải ký vào giấy nhận nợ trái với ý muốn của mình là không có cơ sở, vì những người chứng kiến và kể cả người viết giùm biên nhận cũng khẳng định không hề có sự ép buộc hay đe dọa đến tính mạng của ông T1, mà việc ông T1 ký vào biên nhận là do ông tự nguyện và ông cũng đã được đọc lại nội dung biên nhận nên sau đó mới đồng ý ký. Mặt khác qua các cuộc hội thoại giữa ông T, ông T1, bà T2 trong các đoạn ghi âm do ông T và ông T1 cung cấp cho Tòa án được các bên thống nhất, đều thể hiện không có ai ép buộc hay cưỡng bức, đe dọa đến tính mạng buộc ông T1 phải ký vào biên nhận mà chỉ là sự trao đổi với nhau xung quanh khoảng tiền nợ mua tôm của ông T với bà T2, ông T1. Tại các cuộc hội thoại trong các đoạn ghi âm do ông T cung cấp được ông T, ông T1, bà T2 thống nhất, đều thể hiện ông T1, bà T2 thừa nhận vợ chồng ông, bà có nợ tiền mua tôm của ông T và có đưa ra nhiều P án để trả nợ nhưng ông T không đồng ý, sau đó thì ông T1, bà T2 có xin ông T trả dần vào ngày 01 tây hàng tháng, mỗi tháng trả 5.000.000 đồng nhưng ông T cũng không đồng ý. Từ những căn cứ nêu trên xét lời trình bày của ông T1 cho rằng không biết việc bà T2 có nợ tiền mua tôm của ông T nên ông T1 không có trách nhiệm và việc ông T dùng xã hội đen đe dọa đến tính mạng để buộc ông T1 ký vào biên nhận nợ trái với ý muốn của mình là không có cơ sở. Vì vậy Hội đồng xét xử nhận thấy việc ông T yêu cầu vợ chồng

ông T1, bà T2 phải trả số tiền mua tôm 650.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận. Do ông T không yêu cầu tính lãi nên miễn xét.

[4] Về quan điểm của Viện kiểm sát: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng về việc thu thập tài liệu, chứng cứ là các USB do đương sự giao nộp nhưng không được lập thành văn bản thể hiện việc giao nhận tài liệu, chứng cứ theo quy định để đưa vào hồ sơ vụ án. Xét thấy khi giao nộp các USB thì các đương sự đều có thể hiện bằng văn bản tóm tắt lại nội dung các đoạn ghi âm trong các USB và cung cấp kèm theo cho Tòa án. Mặt khác các đoạn ghi âm trong các USB do đương sự cung cấp đều được Tòa án công bố công khai và được các đương thống nhất thừa nhận và nội dung các cuộc ghi âm không ảnh hưởng đến nội dung vụ án. Vì vậy việc không lập biên bản khi đương sự giao nộp các USB là có thiếu sót, tuy nhiên đây không phải là tình tiết vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng để làm ảnh hưởng đến nội dung vụ án.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do ông T1, bà T2 bị buộc trả tiền nên phải chịu án phí trên số tiền phải trả. Ông T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT NINH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 430, 434, 440 của Bộ luật Dân sự;
- Các Điều 26, 35, 39, 144, 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Buộc ông Châu Văn T1 và bà Trương Thị T2 phải trả cho ông Đỗ Minh T số tiền là 650.000.000 đồng.

Kể từ ngày ông T có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông T1, bà T2 không thực hiện nghĩa vụ thi hành án thì ông T1, bà T2 còn phải chịu thêm một khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự quy định tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

Buộc ông T1 và bà T2 phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 30.000.000 đồng.

Ông T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 15.000.000 đồng theo lai thu số 0000125 ngày 08/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Kiên Giang.

3. Quyền kháng cáo: Ông T được quyền kháng cáo bản án theo hạn luật định 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông T1, bà T2 được quyền kháng cáo bản án theo hạn luật định 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tãnh Kieân Giang;
- VKSND tãnh Kieân Giang;
- VKSND huyãn Kieân Lõng;
- Chi cùc THADS huyãn K;
- Nhõng ngõõi TGTT;
- Lõu tãp àn, hoà số;

**TM. HOÃI NÕANG XEÙT XÕU SÕ
THAÂM
THAÂM PHAÙN – CHUÛ TOÃ PHIEÂN
TOØA**

Nguyễn Văn Pho